

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2018/HS-PT

Ngày: 22 – 6 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hương

Các Thẩm phán: Ông Đinh Quang Nghĩa

Ông Nguyễn Thành Lượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tín - Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 43/2018/TLPT-HS ngày 08 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo Trần Sỹ T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 555/2017/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Bị cáo: **Trần Sỹ T** (tên gọi khác: B), sinh năm 1991 tại tỉnh Đồng Nai; Nơi đăng ký HKTT: Số 68 tổ 1, ấp 5, xã X, huyện X1, tỉnh Đ; Chỗ ở: Nhà trọ khu phố Đ1, phường Đ2, thị xã D, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Thợ cơ khí; Con ông Trần Quang T1, sinh năm 1952 và bà Lê Thị H, sinh năm 1956; Có vợ Nguyễn Thị H1, sinh năm 1991 và có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, Tiền sự: không; Bị bắt giam ngày 17/7/2017. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 ngày 17/7/2017, Trần Sỹ T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vision BS 37M1-68.457 lưu thông trên đoạn đường Hoàng Minh C

thuộc xã H, TP. B (theo hướng từ ngã tư chợ H đi phường B) thì nhìn thấy chị Nguyễn Thủy T2, sinh năm 1990, trú tại ấp A, xã H, TP. B đang điều khiển xe mô tô hiệu Honda Lead biển số 54X3-3685 chạy phía trước cùng chiều, ở túi quần sau bên phải có để 01 chiếc ĐTDĐ hiệu Iphone 6 Plus nhô lên khỏi miệng túi, nên T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại trên. T điều khiển xe mô tô của mình chạy lên ép sát bên phải xe mô tô của chị T2 rồi dùng tay trái giật lấy chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus và tăng ga bỏ chạy thì bị chị T2 và người dân đuổi theo bắt giữ giao cho Công an xã Hóa An lập biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP. Biên Hòa xử lý.

Vật chứng gồm: 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 6 Plus, loại 16 GB, màu bạc, số Imei 352049075543752, gắn ốp nhựa màu đen Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP. Biên Hòa đã thu hồi trả cho bị hại là chị Nguyễn Thủy T2. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP. Biên Hòa đã thu giữ xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 37M1-684.57, số máy JF58E0370863, số khung 5807EY485069 do T sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Qua xác minh đã xác định chiếc xe mô tô này là của chị Phạm Thị T3, sinh năm 1985, HKTT tại Xóm 1, xã N, huyện N1, tỉnh N3 (là bạn của T) cho T mượn để sử dụng, không biết T sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP. Biên Hòa đã trả lại cho chị T3.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 209/TCKH-HĐĐG ngày 24/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thuộc UBND thành phố B đã kết luận: “01 ĐTDĐ hiệu Iphone 6 Plus, loại 16 GB, số Imei 352049075543752 có giá trị tài sản định giá là 10.791.000 đồng (Mười triệu bảy trăm chín mươi một nghìn đồng).

Về dân sự: Bị hại là chị Nguyễn Thủy T2 đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt nên không yêu cầu T bồi thường.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 555/2017/HSST ngày 20/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136 BLHS 1999; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS 1999 xử phạt: bị cáo Trần Sỹ T03 (ba) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn tù T từ ngày 17/7/2017.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 02/01/2018, bị cáo Trần Sỹ T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa, bị cáo T tiếp tục đề nghị HĐXX xem xét.

Đại diện VKSND tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa nêu quan điểm cho rằng: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Khi lượng hình, cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo để xử phạt mức án 03 năm tù là phù hợp, bị cáo kháng cáo cũng không cung cấp thêm tình tiết mới nên đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 17/7/2017, Trần Sỹ T đang điều khiển xe mô tô biển số 37M1-68.457 lưu thông tại khu vực xã H, thành phố B thì phát hiện chị Nguyễn Thủy T2 đang điều khiển xe mô tô cùng chiều phía trước, có để một chiếc điện thoại di động trong túi quần phía sau nên T đã điều khiển xe mô tô của mình áp sát vào xe của chị T2 và giật chiếc điện thoại trong túi quần của chị T2 bỏ chạy. Chị T2 và người dân rượt đuổi theo bắt giữ và giao cho công an thành phố B xử lý. Theo Bản kết luận định giá tài sản số 209/TCKH-HĐĐG ngày 24/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản thành phố B xác định chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus của chị T2 có giá trị là 10.791.000 đồng (mười triệu, bảy trăm chín mươi một nghìn đồng).

Hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo Trần Sỹ T bị tòa án cấp sơ thẩm xử phạt về tội “Cướp giật tài sản” quy định tại Điều 136 BLHS năm 1999. Do bị cáo T sử dụng “phương tiện nguy hiểm” để thực hành vi cướp giật nên cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết định khung “dùng thủ đoạn nguy hiểm” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 BLHS để xử phạt bị cáo là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an, xã hội tại địa phương. Bị cáo điều khiển xe mô tô là nguồn nguy hiểm cao độ để thực hiện hành vi phạm tội là rất nguy hiểm, có thể đe dọa đến T mạng, sức khỏe của người bị hại, của những người tham gia giao thông trên đường và của cả chính bị cáo. Do đó, cần giành cho bị cáo một mức án nghiêm để có thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Khi lượng hình, cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm g, p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999 để xử phạt bị cáo mức án 03 năm tù là phù hợp, thỏa đáng, không nặng như đơn kháng cáo bị cáo nêu (khoản 2 Điều 136 BLHS 1999 có mức án từ 03 năm đến 10 năm tù). Bị cáo kháng cáo nhưng

không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới so với cấp sơ thẩm nên không có cơ sở để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[3] Quan điểm của đại diện VKS tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của HĐXX nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Sỹ T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Sỹ T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136 BLHS 1999; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS 1999.

Xử phạt: bị cáo **Trần Sỹ T 03 (ba) năm tù** về tội “Cướp giật tài sản”.
Thời hạn tù T từ ngày 17/7/2017.

Về án phí: Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí HSPT.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND thành phố Biên Hòa (2);
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Công an thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Phòng PV27 CA tỉnh Đồng Nai;
- B5 - Bị cáo;
- Lưu HS (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Hồng Hương